

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÌNH GIA
(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-SYT ngày 09/02/2026 của Sở Y tế)

STT	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	172	1.172	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
2.	173	1.173	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)
3.	174	1.174	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thận nhân tạo cấp cứu
4.	175	1.175	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thận nhân tạo thường quy
5.	465	2.63	02. NỘI KHOA	Siêu âm màng phổi cấp cứu
6.	1267	3.146	03. NHI KHOA	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh
7.	1749	3.628	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
8.	1750	3.629	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
9.	1751	3.63	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
10.	1752	3.631	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị

				sụp mí
11.	1753	3.632	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
12.	1762	3.641	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực
13.	1763	3.642	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
14.	1767	3.646	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
15.	1784	3.663	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
16.	1785	3.664	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
17.	1786	3.665	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
18.	1788	3.667	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng
19.	1790	3.669	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng
20.	1791	3.67	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria
21.	6273	8.338	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em
22.	13686	14.83	14. MẮT	Cắt u da mí không ghép

23.	13687	14.84	14. MẮT	Cắt u mi cả bề dày không ghép
24.	13769	14.166	14. MẮT	Lấy dị vật giác mạc sâu
25.	13770	14.167	14. MẮT	Cắt bỏ chớp có bọc
26.	13778	14.175	14. MẮT	Khâu phủ kết mạc
27.	13795	14.192	14. MẮT	Cắt chỉ khâu giác mạc
28.	13796	14.193	14. MẮT	Tiêm dưới kết mạc
29.	13797	14.194	14. MẮT	Tiêm cạnh nhãn cầu
30.	13800	14.197	14. MẮT	Bơm thông lệ đạo
31.	13804	14.201	14. MẮT	Khâu kết mạc
32.	13805	14.202	14. MẮT	Lấy calci kết mạc
33.	13807	14.204	14. MẮT	Cắt chỉ khâu kết mạc
34.	13809	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
35.	13816	14.213	14. MẮT	Bóc sợi giác mạc
36.	13817	14.214	14. MẮT	Bóc giả mạc
37.	13819	14.216	14. MẮT	Rạch áp xe túi lệ
38.	14739	17.9	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng sóng xung kích
39.	16441	22.6	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian APTT bằng máy bán tự động
40.	16444	22.9	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian TT bằng máy bán tự động
41.	16552	22.117	22. HUYẾT HỌC	Định lượng sắt huyết thanh

			TRUYỀN MÁU	
42.	16703	22.268	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Phản ứng hòa hợp môi trường nước muối sinh lý. nhiệt độ phòng bằng kỹ thuật ống nghiệm.
43.	16726	22.291	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (ống nghiệm)
44.	16727	22.292	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (phiến đá)
45.	16739	22.304	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Coombs trực tiếp
46.	16743	22.308	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Coombs gián tiếp
47.	17309	23.103	23. HÓA SINH	Xét nghiệm Khí máu
48.	17345	23.139	23. HÓA SINH	Định lượng PSA toàn phần
49.	17367	23.161	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin I
50.	17394	23.188	23. HÓA SINH	Test nhanh Marijuana (THC)

Tổng: 50 danh mục.